

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu
- Ông Hà Quang Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Msinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn S., sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị M, anh S vắng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Mtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn S kết hôn năm 2015 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn Đ, xã Q, huyện N. Sau khi lấy nhau hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng

quan điểm không hợp nhau, anh S chơi bởi không chịu làm ăn, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thường đánh đập chị. Hiện nay anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là các cháu Bùi Thị Minh Tr sinh ngày 24/4/2014; Bùi Đức Nsinh ngày 28/7/2016, hiện các cháu đang ở với anh S, chị M trình bày anh S không cho chị đón các cháu, mỗi lần chị muốn về thăm các cháu anh S thường ngăn cản. Nay chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu Trang vì cháu là con gái nên chị muốn được quan tâm chăm sóc cháu đảm bảo cho cháu phát triển tâm sinh lý cho cháu. Còn cháu Nam anh S có nguyện vọng nuôi thì để anh S nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Bùi Văn S thể hiện tại bản tự khai ngày 24/10/2022: Anh xác định thời điểm kết hôn và sinh sống như chị M trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng anh đã ly thân do chị M tự ý bỏ nhà đi, nhiều lần anh gọi về để đoàn tụ nhưng chị M không về. Nay chị M làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý, còn chị M yêu cầu thì tùy chị M.

Về con chung: Anh xác định anh và chị M có 02 con chung là các cháu Bùi Thị Minh Tr sinh ngày 24/4/2014; Bùi Đức Nsinh ngày 28/7/2016, hiện các cháu đang ở với anh. Từ khi chị M bỏ đi anh là người trực tiếp chăm sóc các cháu, nếu chị M cố tình ly hôn với anh thì anh xin nuôi cả hai cháu, vì hiện nay anh làm nghề lái xe có thu nhập, các cháu lại đang học ổn định tại xã Q. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu Trang: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến cháu Nam: Cháu ở với ai cũng được.

Ngày 21/6/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án do anh S vắng mặt trong Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết

tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn S.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các cháu Bùi Thị Minh Tr sinh ngày 24/4/2014; Bùi Đức Nsinh ngày 28/7/2016, cho anh Bùi Văn S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi . Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Bùi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng của chị M và anh S thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh S là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị M và anh S có 02 con chung là các cháu Bùi Thị Minh Tr sinh ngày 24/4/2014; Bùi Đức Nsinh ngày 28/7/2016, hiện cả hai cháu đang ở với anh S. Chị M có nguyện vọng nuôi cháu Trang, còn anh S lại có nguyện vọng xin tiếp tục nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay hai cháu đang ở với anh S ổn định, anh S có thu nhập, có nhà ở, bên cạnh lại có mẹ anh S cùng đỡ đần chăm sóc các cháu. Chị M đi làm thuê ở xa không có nơi ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao cả hai cháu Trang và Nam cho anh S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải chịu theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao các cháu Bùi Thị Minh Tr sinh ngày 24/4/2014; Bùi Đức N sinh ngày 28/7/2016, hiện cả hai cháu đang ở với anh S, cho anh S tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị Bùi Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn S.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003623 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH